TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/ HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 01 -2024
V/v " Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và bà Đào Thị Hiền
- Thư ký phiên toà: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2023/HNGĐ - ST ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc " Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/ QĐ – HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Hà Thị G, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
- **Bị đơn**: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Hà Thị G trình bày chị và anh Bùi Văn K đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 10 năm 2013 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị đoàn tụ hạnh phúc được một hời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung vợ chồng sống không còn hạnh phúc làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Vợ chồng anh, chị đã sống ly thân được 06 năm, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị G xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Bùi Văn K.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 (hai) người con chung, tên các cháu là Bùi Thị Anh T, sinh ngày 08/01/2014 và cháu Bùi Thị Ánh N, sinh ngày 21/11/2015. Ly hôn nguyện vọng của chị G xin được nuôi cháu Anh T, giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và phần nợ: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án anh K trình bày anh, chị đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại UBND xã B, huyện T vào ngày 28 tháng 10 năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng đoàn tụ, hạnh phúc được thời gian ngắn, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị G đi làm công nhân không quan tâm đến chồng con. Nay chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh không đồng ý. Nguyện vọng của anh là muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung và xây dựng hạnh phúc và kinh tế gia đình.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 (hai) con chung, tên các cháu là Bùi Thị Anh T, sinh ngày 08/01/2014 và cháu Bùi Thị Ánh N, sinh ngày 21/11/2015, hiện nay các cháu đang ở cùng anh K. Nếu phải ly hôn, nguyện vọng của anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nghề nghiệp của anh làm lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng là 8.000.000đ, nên anh xét thấy đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản và phần nợ: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Hà Thị G ly hôn anh Bùi Văn K. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cháu Anh T, giao cháu anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vợ chồng anh, chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Buộc chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Đây là vụ án " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Bùi Văn K cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Hà Thị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Bùi Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh K trốn tránh không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị Hà Thị G và anh Bùi Văn K đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 10 năm 2013 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 41/202013. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Mục đích kết hôn của vợ chồng anh chị là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng bình đẳng, thương yêu, chung thủy và chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nhưng do tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, chưa thực sự yêu thương, chăm sóc và quan tâm đến nhau, nên cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Do không hòa giải được mâu thuẫn, nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, vì xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị G vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị G và anh K đã kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Hà Thị G được ly hôn anh Bùi Văn K.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 (hai) người con chung với nhau, tên các cháu là Bùi Thị Anh T, sinh ngày 08/01/2014 và cháu Bùi Thị Ánh N, sinh ngày 21/11/2015. Ly hôn nguyện vọng của chị G xin được nuôi cháu Anh T, giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh K có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con chung.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 18/10/2023 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị G và anh K. Tại buổi xác minh UBND xã B cho biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị G và anh K UBND xã không biết, vì vợ chồng anh chị không có đơn trình bày, không yêu cầu các đoàn thể và chính quyền địa phương hòa giải. Hiện nay vợ chồng anh chị đang sống ly thân mỗi người ở một nơi. Vợ chồng anh, chị có 02 con chung. Hiện nay các cháu đang ở cùng với anh K. Chị G đi làm công nhân, anh K làm lao động tự do tại địa phương. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con và giao con chung của chị Hà Thị G và anh Bùi Văn K thì thấy. Anh, chị đều có thu nhập và điều kiện kinh tế, có sức khỏe như nhau. Vì vậy nhằm đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu bé và ổn

định về tâm lý, sức khỏe và học tập của các cháu bé, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị G và anh K mỗi người trực tiếp nuôi 01 người con chung của anh chị là hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế của anh và chị, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Vì vậy giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh T, giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng anh, chị không yêu cầu nên không xem xét.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*[6]. Về án phí***:** Chị Hà Thị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị G, xử cho chị G được ly hôn anh Bùi Văn K.

Về con chung: Giao cho chị Hà Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Anh T, giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng anh, chị không yêu cầu nên không xem xét.

Chị G và anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con chung và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con chung chị G, anh K không chăm sóc chu đáo, ảnh hưởng đến sự phát triển về sức khỏe, học tập và sinh hoạt của bé, thì anh, chị có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Hà Thị G phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch. Số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2022/0000160 ngày 04 tháng 10 năm 2023 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị G đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị Hà Thị G và anh Bùi Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Thanh Hóa*
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Bình Sơn.*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy